



南開科技大學

Nan Kai University of Technology

科目名稱：法治教育-5
law-education-5

外國學生來台就學辦法

授課老師：曾明理





南開科技大學

Nan Kai University of Technology

Tên môn học: Giáo dục pháp luật-5 law-education-5

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Người hướng dẫn: Zeng Mingli



外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法

恭喜南開科技大學獲得UPM四星評價



*UPM: 越南大學績效指標

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

恭喜南開科技大學獲得UPM四星評價



*UPM: 越南大學績效指標

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 1 條

本辦法依**大學法第二十五條第三項**、**專科學校法第三十二條第一項**、**高級中等教育法第四十一條第一項**及**國民教育法第三十條第一項**規定訂定之。

- **大學法第 25 條**
重大災害地區學生、政府派赴國外工作人員子女、參加國際性學科或術科競賽成績優良學生、運動成績優良學生、退伍軍人、蒙藏學生、依國籍法第四條第一項第一款至第三款申請歸化經許可者、僑生、大陸地區學生及外國學生進入大學修讀學位，不受前條公開名額、方式之限制。
前項大陸地區學生，不得進入經教育部會商各有關機關認定公告涉及國家安全、機密之院、系、所及學位學程修讀。
第一項學生進入大學修讀學位之名額、方式、資格、辦理時程、招生委員會組成方式、錄取原則及其他有關考生權利義務事項之辦法，除大陸地區學生部分由教育部擬訂，報請行政院核定外，其餘由教育部定之。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan Điều 1

Quy định này được xây dựng theo Điều 25, Khoản 3 của Luật Đại học, Điều 32, Khoản 1 của Luật Cao đẳng Kỹ thuật, Điều 41, Khoản 1 của Luật Giáo dục Trung học Phổ thông và Điều 30, Khoản 1 của Luật Giáo dục Quốc gia.

- Điều 25
- Sinh viên đến từ khu vực bị thiên tai nghiêm trọng, con cái của nhân viên chính phủ được cử đi công tác ở nước ngoài, sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong các cuộc thi học thuật hoặc kỹ năng quốc tế, sinh viên có thành tích thể thao xuất sắc, cựu quân nhân, sinh viên người Mông – Tạng, người đã được phép nhập quốc tịch theo khoản 1 các điểm 1 đến 3 Điều 4 của Luật Quốc tịch, kiều bào, sinh viên từ khu vực Trung Quốc đại lục và sinh viên quốc tế khi vào học chương trình cấp bằng tại các trường đại học sẽ không bị giới hạn bởi chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh quy định ở điều trước.
- Sinh viên đến từ khu vực Trung Quốc đại lục không được theo học tại các khoa, viện, bộ môn và chương trình cấp bằng liên quan đến an ninh quốc gia hoặc bí mật quốc gia do Bộ Giáo dục phối hợp với các cơ quan hữu quan xác định và công bố.
- Chỉ tiêu, phương thức, điều kiện, thời gian tuyển sinh, cách thức tổ chức hội đồng tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển và các vấn đề khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thí sinh thuộc khoản 1 sẽ do Bộ Giáo dục quy định; riêng phần liên quan đến sinh viên từ khu vực Trung Quốc đại lục sẽ do Bộ Giáo dục dự thảo và trình Viện Hành chính phê duyệt.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 2 條

具**外國國籍且未曾具有中華民國國籍**，符合下列規定者，得依本辦法規定申請入學：

- 一. **未曾以僑生身分在臺就學。**
- 二. **未於申請入學當學年度依僑生回國就學及輔導辦法經海外聯合招生委員會分發。**

具外國國籍並符合下列規定，且最近連續居留海外六年以上者，亦得依本辦法規定申請入學。但擬就讀大學醫學、牙醫或中醫學系者，其連續居留年限為八年以上：

- 一. 申請時兼具中華民國國籍者，**應自始未曾在臺設有戶籍**。
- 二. 申請前曾兼具中華民國國籍，於**申請時已不具中華民國國籍者**，應自內政部許可**喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年**。
- 三. 前二款均應符合前項第一款及第二款規定。

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，**其自始未曾在臺設有戶籍者**，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 2 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Những người có quốc tịch nước ngoài nhưng chưa có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc và đáp ứng các điều khoản sau đây có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định của các biện pháp này:

1. Tôi chưa bao giờ học ở Đài Loan với tư cách là một sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài.
2. Được phân phối bởi Ủy ban tuyển sinh chung ở nước ngoài theo các biện pháp để sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài trở về Trung Quốc để đến trường và tư vấn trong năm nộp đơn xin nhập học.

Những người có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng các điều khoản sau và gần đây đã ở nước ngoài hơn sáu năm cũng có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định của các biện pháp này. Tuy nhiên, những người có ý định học y khoa, nha khoa hoặc y học cổ truyền Trung Quốc ở trường đại học nên ở lại hơn tám năm:

1. Những người có cả quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm nộp đơn, cô ấy/cô ấy không nên có hộ khẩu ở Đài Loan ngay từ đầu.
2. Nếu bạn có cả quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc trước khi nộp đơn nếu bạn không còn quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm nộp đơn), bạn nên được Bộ Nội vụ cho phép (từ ngày mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc đến thời điểm nộp đơn).

3. Hai đoạn đầu tiên phải tuân thủ các quy định của đoạn đầu tiên và đoạn thứ hai của các đoạn trước.

Theo thỏa thuận hợp tác giáo dục, công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài giới thiệu du học tại Đài Loan những người chưa đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan ngay từ đầu sẽ phải chịu sự chấp thuận của cơ quan hành chính giáo dục có thẩm quyền và sẽ không phải chịu các hạn chế của hai điều khoản đầu tiên.

外國學生來台就學辦法

第二項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。

第二項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間未逾一百二十日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾一百二十日予以認定。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：

- 一. 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部（以下簡稱本部）認定之技術訓練專班。
- 二. 就讀本部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。
- 三. 交換學生，其交換期間合計未滿二年。
- 四. 經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於本辦法中華民國一百年二月一日修正施行前已提出申請喪失中華民國國籍者，得依原規定申請入學，不受第二項規定之限制。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Mục thứ hai **sáu năm, tám năm** sẽ được tính từ việc đăng ký được đề xuất **ngày bắt đầu của học kỳ hiện tại**

(ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) là cả ngày. Thuật ngữ thứ hai đề cập đến ở nước ngoài, đề cập đến các quốc gia hoặc khu vực khác ngoài đại lục, Hồng Kông và Ma Cao; thuật ngữ cư trú liên tục đề cập đến **sinh viên nước ngoài ở lại Trung Quốc không quá 120 ngày mỗi năm dương lịch**. Nếu năm kể từ khi bắt đầu thời gian thu thập ở nước ngoài không phải là một năm dương lịch hoàn chỉnh, nó sẽ được công nhận là mỗi **thời gian lưu trú tại Trung Quốc trong thời gian thu thập của năm đó không quá 120 ngày**. Tuy nhiên, những người đáp ứng một trong các trường hợp sau và có các tài liệu hỗ trợ có liên quan sẽ không phải chịu giới hạn này; thời gian lưu trú tại Trung Quốc sẽ không được tính vào thời gian cư trú ở nước ngoài:

1. Tham gia khóa đào tạo kỹ thuật cho thanh niên ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề Trung Quốc ở nước ngoài tổ chức hoặc khóa đào tạo kỹ thuật được Bộ Giáo dục công nhận (sau đây gọi là Sở).
2. Tôi đã học chưa đầy hai năm tại các trung tâm ngôn ngữ Trung của các trường cao đẳng và đại học lớn được trụ sở chính phê duyệt để tuyển sinh sinh viên nước ngoài.
3. Sinh viên trao đổi có tổng thời gian trao đổi dưới hai năm.
4. Với sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của chính quyền trung ương đến Đài Loan để thực tập, tổng thời gian thực tập là dưới hai năm.

Những người có quốc tịch nước ngoài và cả quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc và trước khi thực hiện sửa đổi của Trung Hoa Dân Quốc vào ngày 1 tháng 2 năm thứ 100 của các Biện pháp này **những người đã nộp đơn xin mất quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc** có thể nộp đơn xin nhập cảnh theo các quy định ban đầu và không phải chịu các hạn chế của điều khoản thứ hai.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 3 條

具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者，得依本辦法規定申請入學。但擬就讀大學醫學、牙醫或中醫學系者，其連續居留年限為八年以上。前項所稱連續居留，指每曆年在國內停留期間，合計未逾一百二十日。但符合前條第五項第一款至第四款所列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入前項連續居留期間計算。曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者，得依本辦法規定申請入學。但擬就讀大學醫學、牙醫或中醫學系者，其連續居留年限為八年以上。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 3 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Những người có quốc tịch nước ngoài có tư cách thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao và chưa có hộ khẩu tại Đài Loan và đang ở Hồng Kông, Ma Cao hoặc ở nước ngoài tại thời điểm nộp đơn đã sống liên tiếp hơn sáu năm có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định của các biện pháp này. Tuy nhiên, những người có ý định học y khoa, nha khoa hoặc y học cổ truyền Trung Quốc ở trường đại học, thời gian cư trú liên tục của họ là hơn tám năm. Thời gian cư trú liên tục được đề cập trong đoạn trước đề cập đến thời gian lưu trú tại Trung Quốc trong mỗi năm dương lịch, tổng số không được vượt quá 120 ngày. Tuy nhiên, những người đáp ứng một trong các trường hợp được liệt kê trong đoạn đầu tiên đến đoạn thứ tư của mục thứ năm của điều trước và có các tài liệu hỗ trợ có liên quan sẽ không phải tuân theo giới hạn này; thời gian lưu trú tại Trung Quốc sẽ không được bao gồm trong thời gian lưu trú liên tục trong đoạn trước. Những người đã từng những người từ đại lục có quốc tịch nước ngoài và chưa bao giờ có hộ khẩu tại Đài Loan có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định của các biện pháp này khi nộp đơn thor đã liên tục cư trú ở nước ngoài trong hơn sáu năm. Tuy nhiên, những người có ý định học y học, nha khoa hoặc y học cổ truyền Trung Quốc ở trường đại học thời gian cư trú liên tục là hơn tám năm.

外國學生來台就學辦法

前項所稱連續居留，指每歷年在國內停留期間，合計未逾一百二十日。但符合前條第五項第一款至第四款所列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外連續居留期間計算。

第一項及第三項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。

第一項至第四項所定海外，準用前條第五項規定。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Thời gian cư trú liên tục được đề cập trong đoạn trước đề cập đến **thời gian lưu trú tại Trung Quốc trong mỗi năm dương lịch, tổng số không được vượt quá 120 ngày.** Tuy nhiên, những người đáp ứng một trong các trường hợp được liệt kê trong đoạn đầu tiên đến đoạn thứ tư của đoạn trước của Mục 5 và có các tài liệu hỗ trợ liên quan sẽ không phải chịu giới hạn này; **thời gian lưu trú tại Trung Quốc sẽ không được tính vào thời gian cư trú ở nước ngoài liên tục.** Các mục thứ nhất và thứ ba sáu năm, tám năm sẽ được tính theo đề xuất **ngày bắt đầu học kỳ đăng ký (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) cho cả ngày.**

Ở nước ngoài được chỉ định trong các mục từ 1 đến 4 sẽ áp dụng cho các quy định của mục 5 của điều trước.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 4 條

外國學生依前二條規定申請來臺就學，**以一次為限**；其繼續在臺就學者，入學方式應與我國內一般學生相同。但下列情形，不在此限：

- 一.於完成申請就學學校學程後，**申請碩士班以上學程**，逕依各校規定辦理。
- 二.外國學生申請來臺就讀**學士班以下學程**，在**國內停留未滿一年**，因故退學或喪失學籍，得重新申請來臺就學，並**以一次為限**。

外國學生經入學學校以**操行或學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍**者，不得再依前項規定申請入學。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 4 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài nộp đơn xin học tại Đài Loan theo các quy định của hai điều trước, **giới hạn một lần; tiếp tục học tại Đài Loan, phương thức đăng ký phải giống như của sinh viên bình thường ở Trung Quốc.**

Tuy nhiên, các trường hợp sau đây không chỉ giới hạn ở điều này:

1. Sau khi hoàn thành đơn đăng ký khóa học của trường, **đơn đăng ký khóa học thạc sĩ trở lên sẽ được xử lý theo quy định của từng trường.**
2. Sinh viên nước ngoài đăng ký học tập tại Đài Loan **khóa học dưới cấp cử nhân, ở lại Trung Quốc dưới một năm, bỏ học hoặc mất tư cách sinh viên vì bất kỳ lý do gì,** phải nộp đơn lại để học tập tại Đài Loan, và **giới hạn một lần.**

Học sinh nước ngoài bị đuổi khỏi trường hoặc mất tư cách học sinh do **thành tích hoặc thất bại trong thành tích học tập, vi phạm pháp luật và quy định hoặc nội quy của trường** sẽ không nộp đơn xin nhập học theo các quy định của đoạn trước.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 6 條

大專校院招收外國學生入學各年級，應擬訂公開招生規定報本部核定，其內容應包括**招生方式、入學資格審查程序、學系（程）授課語言、學生應具備之語文能力基準、財力證明基準及其他相關事項。**

前項招生規定經本部核定後，大專校院應自行訂定外國學生招生簡章，詳列**招生方式、入學資格審查程序、招生學系（程）、各學系（程）授課語言、學生應具備之語文能力基準、修業年限、招生名額、申請資格、財力證明基準、學雜費收退費基準、學校獎助學金資訊及其他相關事項。**

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 6 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các trường cao đẳng và đại học tuyển sinh sinh viên nước ngoài ở tất cả các cấp nên được xây dựng và nộp cho trụ sở chính để phê duyệt. Nội dung nên bao gồm **phương pháp tuyển sinh, quy trình kiểm tra trình độ nhập học, ngôn ngữ giảng dạy của khoa (chương trình), tiêu chuẩn khả năng ngôn ngữ mà sinh viên nên có, tiêu chuẩn chứng nhận năng lực tài chính và các vấn đề liên quan khác.**

Sau khi phê duyệt các điều khoản tuyển sinh trước đó của khoa, các trường cao đẳng và đại học sẽ xây dựng hướng dẫn tuyển sinh riêng cho sinh viên nước ngoài, trong đó sẽ liệt kê chi tiết **phương pháp tuyển sinh, quy trình kiểm tra trình độ tuyển sinh, khoa tuyển sinh (chương trình), ngôn ngữ giảng dạy của từng khoa (chương trình), tiêu chuẩn khả năng ngôn ngữ mà sinh viên nên có, số năm học, hạn ngạch đăng ký, trình độ ứng dụng, cơ sở chứng nhận tài chính Tiêu chuẩn, thu học phí và điểm chuẩn hoàn tiền, thông tin về giải thưởng và học bổng của trường và các vấn đề liên quan khác.**

外國學生來台就學辦法

大專校院辦理外國學生招生事務，除宣傳推廣及協助學生辦理來臺相關必要程序外，**不得委由校外機構、法人、團體或個人辦理**；並應適時確認其是否向外國學生收取不合理之費用、成立借貸關係或其他違反相關法令之情形，必要時得向申請之外國學生查核。

大專校院**自行或委由校外機構、法人、團體或個人辦理外國學生招生相關事項**，**不得提供與招生規定、招生簡章或相關規定不一致之資訊**。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các trường đại học xử lý các vấn đề tuyển sinh của sinh viên nước ngoài. Ngoài việc công khai và quảng bá và hỗ trợ sinh viên trong các thủ tục cần thiết liên quan đến việc đến Đài

Loan, không được giao phó cho các tổ chức, pháp nhân, tổ chức hoặc cá nhân ngoài

khuôn viên trường; và nên xác nhận kịp thời liệu họ có tính phí không hợp lý cho sinh viên nước ngoài, thiết lập mối quan hệ cho vay hoặc vi phạm các luật và quy định có liên quan hay không. Mẫu, nếu cần thiết, nó nên được kiểm tra với các sinh viên nước ngoài đã nộp đơn.

Các trường đại học sở hữu hoặc được ủy thác các tổ chức, pháp nhân, tổ chức hoặc cá nhân ngoài khuôn viên trường để xử lý các vấn đề liên quan đến việc đăng ký sinh viên nước ngoài, không cung cấp thông tin không phù hợp với quy định tuyển sinh, tài liệu tuyển sinh hoặc các quy định liên quan.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 7 條

申請入學大專校院之外國學生，應於各校院指定期間，檢附下列文件，逕向各該校院申請入學，經審查或甄試合格者，發給入學許可：

一.入學申請表。

二.學歷證明文件：

(一) 大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

(二) 香港或澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 7 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài nộp đơn xin nhập học vào các trường cao đẳng và đại học nên đính kèm các tài liệu sau trong khoảng thời gian quy định của mỗi trường và nộp đơn xin nhập học vào từng trường đại học.

Những người đã vượt qua kỳ thi hoặc sàng lọc sẽ được cấp giấy phép nhập học:

1. Mẫu đơn xin nhập học.

2. Giấy chứng nhận trình độ học vấn:

(1) Trình độ học vấn đại lục: sẽ được xử lý theo các quy định của các biện pháp công nhận trình độ học vấn đại lục.

(2) Trình độ học vấn Hồng Kông hoặc Ma Cao: sẽ được xử lý theo các quy định của các biện pháp kiểm tra và phê duyệt học thuật Hồng Kông và Ma Cao.

外國學生來台就學辦法

(三) 其他地區學歷：

1. 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。
2. 前二目以外之國外地區學歷，應依大學辦理國外學歷採認辦法規定辦理。但設校或分校於大陸地區之外國學校學歷，應經大陸地區公證處公證，並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。
- 三. 足夠在臺就學之財力證明，或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

(3) Trình độ học vấn ở các khu vực khác:

- ① Các trường học ở nước ngoài Đài Loan và Trung Quốc đại lục trình độ học vấn của các trường kinh doanh Đài Loan giống như các trường cùng cấp ở Trung Quốc.
- ② Bằng cấp học thuật từ các khu vực nước ngoài ngoài hai khu vực đầu tiên, s phải được xử lý theo các quy định của các biện pháp của trường đại học đối với việc nộp đơn xin bằng cấp học vấn nước ngoài. Tuy nhiên, trình độ học vấn của các trường nước ngoài có trường hoặc chi nhánh ở đại lục sẽ được công chứng bởi văn phòng công chứng ở đại lục và được xác minh bởi các tổ chức được thành lập hoặc chỉ định bởi Viện Hành pháp hoặc được ủy thác bởi các tổ chức dân sự.
3. Đủ để học tập tại Đài Loan bằng chứng về nguồn lực tài chính, hoặc chính phủ, đại học hoặc tổ chức tư nhân cung cấp bằng chứng về học bổng toàn phần.

外國學生來台就學辦法

四.申請學校所規定之其他文件。

各校審核外國學生之入學申請時，對前項第二款至第四款未經我國駐外機構、行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證之文件認定有疑義時，得要求經驗證；其業經驗證者，得請求協助查證。

第一項入學許可應載明外國學生之姓名、就讀學程名稱、學位別、授課語言、入學之學年、學期開始日期、學雜費收退費基準、獎助學金及其他應告知外國學生之相關資訊之中文及英文版本，確認外國學生瞭解來臺就學相關權利義務，並得提供外國學生母國語言版本。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

4. Đơn đăng ký các tài liệu khác do nhà trường quy định.

Khi xem xét đơn xin nhập học của sinh viên nước ngoài, mỗi trường sẽ được yêu cầu xác minh ý nghĩa của các đoạn 2 đến 4 của các đoạn trước nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về việc xác minh các tài liệu chưa được xác minh bởi các tổ chức ở nước ngoài, các tổ chức được thành lập hoặc chỉ định bởi Hành pháp Yuan của Trung Quốc hoặc các tổ chức dân sự do họ ủy thác; những người đã được xác minh có thể yêu cầu hỗ trợ xác minh.

Giấy phép nhập học đầu tiên phải bao gồm phiên bản tiếng Trung và tiếng Anh của tên sinh viên nước ngoài, tên khóa học, bằng cấp, ngôn ngữ giảng dạy, năm học nhập học, ngày bắt đầu học kỳ, tiêu chuẩn thu và hoàn trả các khoản phí linh tinh, học bổng và các thông tin liên quan khác cần được thông báo cho sinh viên nước ngoài để xác nhận rằng sinh viên nước ngoài hiểu thông tin liên quan về việc đến Đài Loan. Quyền và nghĩa vụ, và có thể được cung cấp phiên bản tiếng mẹ đẻ của sinh viên nước ngoài.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 7-1 條

外國學生所繳入學證明文件有偽造、假借、塗改等情事，應撤銷錄取資格；已註冊入學者，撤銷其學籍，且不發給任何相關學業證明；如畢業後始發現者，應由學校撤銷其畢業資格並註銷其學位證書。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học Đài Loan Điều 7-1

Giấy chứng nhận nhập học của sinh viên nước ngoài có giả mạo, giả mạo, thay đổi v.v., nên thu hồi trình độ nhập học; đăng ký nhập học, thu hồi tình trạng sinh viên và không cấp bất kỳ chứng chỉ học tập liên quan nào; nếu nó được tìm thấy sau khi tốt nghiệp, sẽ bị nhà trường thu hồi nó bằng cấp tốt nghiệp và được thông báo nó chứng chỉ bằng cấp.)

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 8 條

外國學生已在臺完成學士以上學位，繼續申請入學碩士以上學程者，得檢具我國各校院畢業證書及歷年成績證明文件，依第七條規定申請入學，不受第七條第一項第二款規定之限制。

外國學生在我國就讀外國僑民學校或我國高級中等學校附設之雙語部（班）或私立高級中等學校外國課程部班畢業者，得持該等學校畢業證書及歷年成績證明文件，依第七條規定申請入學，不受第四條第一項及第七條第一項第二款規定之限制。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 8 Các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài **những người đã hoàn thành bằng cử nhân trở lên ở Đài Loan, tiếp tục nộp đơn xin**

bằng thạc sĩ **những người đã học ở trên** sẽ nộp đơn xin nhập học theo các quy định của Điều 7 **giấy**

chứng nhận tốt nghiệp và giấy chứng nhận thành tích của các trường khác nhau ở Trung Quốc, và

không phải chịu các hạn chế được quy định trong đoạn thứ hai của đoạn đầu tiên của Điều 7.

Học sinh nước ngoài học tại một trường nước ngoài ở Trung Quốc hoặc một khoa song ngữ (lớp) trực thuộc một trường trung học phổ thông ở Trung Quốc hoặc một bộ phận chương trình giảng dạy nước ngoài của một trường trung học phổ thông tư thục **với chứng chỉ tốt nghiệp của các trường đó và chứng chỉ của những năm trước** sẽ nộp đơn xin nhập học theo các quy định của Điều 7 và sẽ không phải tuân theo đoạn đầu tiên của Điều 4 và đoạn đầu tiên của Điều 7. Những hạn chế được quy định trong đoạn thứ hai.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 9 條

招收外國學生之大專校院，應即時於本部指定之外國學生資料管理資訊系統，登錄外國學生入學、轉學、休學、退學或變更、喪失學生身分等情事。

外國學生來台就學辦法第 10 條

外國學生不得申請就讀我國大專校院所辦理回流教育之進修學士班、碩士在職專班及其他僅於夜間、例假日授課之班別。但外國學生在臺已具有合法居留身分者或其就讀之班別屬經本部專案核准之課程者，不在此限。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 9 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các trường cao đẳng và đại học tuyển sinh sinh viên nước ngoài phải đăng ký ngay cho sinh viên nước ngoài vào hệ thống thông tin quản lý dữ liệu sinh viên nước ngoài do Bộ chỉ định **đăng ký sinh viên nước ngoài ghi danh, chuyển tiếp, nghỉ phép, rút lui hoặc thay đổi, mất tư cách sinh viên** và các vấn đề khác.

Điều 10 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài **không được phép nộp đơn xin học tập tại Trung Quốc được xử lý bởi các trường cao đẳng và đại học giáo dục trở lại lớp cử nhân tốt nghiệp, lớp thạc sĩ tại chỗ và các lớp khác chỉ được giảng dạy vào ban đêm và vào các ngày lễ.** Tuy nhiên, sinh viên nước ngoài có **tình trạng cư trú hợp pháp hoặc các lớp học của họ** tại Đài Loan **các khóa học được phê duyệt bởi dự án này** không phải tuân theo giới hạn này.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 12 條

大學外國學生於我國大學畢業後，經學校核轉本部許可在我國實習者，其外國學生身分最長得延長至畢業後一年。

外國學生來臺就學後，其於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學。但入學方式與我國內一般學生相同者，及依國籍法第四條第一項第一款至第三款申請歸化取得中華民國國籍者，不在此限。

於我國大專校院就讀之外國學生轉學，由各大專校院自行訂定相關規定，並納入招生規定報本部核定。但外國學生經入學學校以操行不及格或因刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得轉學進入大專校院就讀。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 12 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài tại các trường đại học sau khi tốt nghiệp một trường đại học ở Trung Quốc, với sự cho phép của nhà trường bộ phận chuyển sang thực tập tại Trung Quốc, tình trạng sinh viên nước ngoài của họ tối đa một năm sau khi tốt nghiệp.

Sau khi sinh viên nước ngoài đến Đài Loan học tập, nếu họ được phép đăng ký hộ khẩu, chuyển sang đăng ký hộ khẩu, nhập tịch hoặc khôi phục quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc tại Đài Loan trong thời gian đi học, mất tư cách sinh viên nước ngoài, shold. Tuy nhiên, những người có cùng phương thức nhập học như sinh viên bình thường ở Trung Quốc và những người nộp đơn xin nhập tịch và có được quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc theo các đoạn đầu tiên đến đoạn thứ ba của đoạn đầu tiên của Điều 4 của Luật Quốc tịch không bị giới hạn.

Đối với việc chuyển sinh viên nước ngoài học tại các trường cao đẳng và đại học ở Trung Quốc, các quy định liên quan sẽ được xây dựng bởi các trường cao đẳng và đại học lớn và được đưa vào các quy định tuyển sinh để phê duyệt. Tuy nhiên, sinh viên nước ngoài được nhận vào trường thất bại hoặc bị đuổi học do các vụ án hình sự, có thể không chuyển tiếp lên các trường đại học.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 15 條

本部為獎勵就讀大專校院優秀外國學生，得設置或補助學校設置外國學生獎學金。

大專校院為鼓勵外國學生來臺就學，得自行提撥經費設置外國學生獎學金、助學金。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 15 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Để thưởng cho sinh viên nước ngoài xuất sắc học tập tại các trường cao

đẳng và đại học, các trường có thể được thành lập hoặc trợ cấp thiết lập

học bổng cho sinh viên nước ngoài.

Để khuyến khích sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan, phải tự phân

bổ kinh phí thiết lập học bổng và trợ cấp cho sinh viên nước ngoài.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 16 條

大專校院應指定專責單位或人員負責辦理外國學生就學申請、輔導、聯繫等事項，並加強安排住宿家庭及輔導外國學生學習我國語文、文化等，以增進外國學生對我國之了解。

大專校院應於每學年度不定期舉辦外國學生輔導活動或促進校園國際化，有助我國學生與外國學生交流、互動之活動。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 16 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các trường cao đẳng và đại học nên chỉ định **các đơn vị hoặc nhân viên đặc biệt** chịu trách

nhiệm xử lý **đơn đăng ký, tư vấn, liên hệ và các vấn đề khác của sinh viên nước ngoài và**

tăng cường **sắp xếp chỗ ở cho gia đình và dạy kèm sinh viên nước ngoài học ngôn ngữ, văn**

hóa Trung Quốc, v.v. để nâng cao hiểu biết của sinh viên nước ngoài về Trung Quốc.

Các trường cao đẳng và đại học nên tổ chức các hoạt động để giúp sinh viên Trung Quốc

giao tiếp và tương tác với sinh viên nước ngoài trong mỗi năm học **từ thời gian tổ chức các**

hoạt động dạy kèm cho sinh viên nước ngoài hoặc thúc đẩy quốc tế hóa khuôn viên

trường.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 20-1 條

外國學生因該國發生戰亂、重大災害或重大傳染疾病疫情等情事，致該地區之學校無法正常運作，得經我駐外機構、或其本國駐華使領館或授權機構檢齊相關評估資料，經本部會同外交部、內政部移民署等相關機關認定後，其入學高級中等學校、專科學校以專案辦理招生。

前項專案就學採外加名額者，以各校招生核定各該學制總名額外加百分之一為原則。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 20-1 của các biện pháp cho du học sinh nước ngoài tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài **trong nước chiến tranh, thảm họa lớn** hoặc **dịch bệnh truyền nhiễm lớn và các**

trường hợp khác, gây ra các trường học trong khu vực (không thể hoạt động bình thường), có thể được

kiểm tra bởi các tổ chức của chúng tôi ở nước ngoài, đại sứ quán và lãnh sự quán của họ hoặc các tổ

chức được ủy quyền ở Trung Quốc để kiểm tra dữ liệu đánh giá có liên quan, và bộ phận sẽ làm việc với

Bộ Ngoại giao, Cục Di trú của Bộ Nội vụ, v.v. Sau khi cơ quan có thẩm quyền công nhận, nó sẽ ghi danh

vào các trường trung học và cao đẳng cấp cao để ghi danh học sinh theo dự án.

Theo nguyên tắc **phê duyệt tuyển sinh của mỗi trường tổng số học sinh trong hệ thống học tập cộng**

thêm một phần trăm cho những người nộp đơn xin hạn ngạch bổ sung trong dự án trước đó.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 21 條

外國學生**就學應繳之費用**，依下列規定辦理：

- 一.依前二條規定入學者、經駐外機構推薦來臺就學之外交部臺灣獎學金受獎學生及具我國永久居留身分者，**依就讀學校所定我國學生收費基準辦理**。
- 二.依教育合作協議入學者，依協議規定辦理。
- 三.前二款以外之外國學生，**依其就讀學校所定外國學生收費基準，並不得低於同級私立學校收費基準**。

本辦法中華民國一百年二月一日修正施行前已入學之學生，該教育階段應繳之費用，仍依原規定辦理。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 21 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài **học phí phải trả** sẽ được xử lý theo các quy định sau:

1. Những người nhập học sinh theo các quy định của hai điều trước đó, sinh viên của Học bổng Đài Loan của Bộ Ngoại giao được các tổ chức nước ngoài khuyến nghị học tập tại Đài Loan và những người có tư cách thường trú tại Trung Quốc, **theo tiêu chuẩn học phí của sinh viên Trung Quốc do nhà trường đặt ra.**
2. Những người vào trường theo thỏa thuận hợp tác giáo dục sẽ được xử lý theo các quy định của thỏa thuận.
3. Sinh viên nước ngoài trừ hai đoạn đầu tiên, **theo tiêu chuẩn học phí cho sinh viên nước ngoài do trường mà họ theo học đặt ra, không được thấp hơn tiêu chuẩn học phí của các trường tư thục cùng cấp.**

Đối với những học sinh đã vào trường trước khi thực hiện sửa đổi các Biện pháp này vào ngày 1 tháng 2, 100 năm của Trung Hoa Dân Quốc, các khoản phí phải trả trong giai đoạn giáo dục vẫn sẽ được xử lý theo các quy định ban đầu.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 22 條

外國學生註冊時，**新生應檢附已投保自入境當日起至少六個月效期之醫療及傷害保險，在校學生應檢附我國全民健康保險等相關保險證明文件。**

前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外機構驗證。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 22 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan

Khi sinh viên nước ngoài đăng ký, **sinh viên năm nhất** nên được kiểm tra và đánh

kèm **Được bảo hiểm với thời hạn hiệu lực ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh**

bảo hiểm y tế và thương tích, và **sinh viên trường học** nên được kiểm tra với **các**

tài liệu chứng nhận bảo hiểm liên quan như bảo hiểm y tế quốc gia của Trung

Quốc.

Nếu giấy chứng nhận bảo hiểm trước đó **được cấp ở nước ngoài**, nó sẽ được **xác**

minh bởi các tổ chức ở nước ngoài.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 23 條

外國學生有違反就業服務法之規定經查證屬實者，學校或相關主管機關應即依規定處理。

外國學生來台就學辦法第 24 條

外國學生有休學、退學或變更、喪失學生身分等情事，學校應通報外交部領事事務局及學校所在地之內政部移民署各服務站，並副知本部。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 23 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan

Nếu một học sinh nước ngoài có **vi phạm các điều khoản của Luật Dịch vụ**

Việc làm đã được xác minh là đúng, nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền có liên quan sẽ xử lý ngay lập tức theo các quy định.

Điều 24 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Đối với sinh viên nước ngoài **rút khỏi trường, rút hoặc thay đổi, mất tư cách học sinh** và các trường hợp khác, nhà trường sẽ thông báo cho Cục Lãnh sự của Bộ Ngoại giao và các trạm dịch vụ của Cục xuất nhập cảnh của Bộ Ngoại giao nơi đặt trường, và thông báo cho trụ sở chính.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 25 條

學校違反本辦法規定者，主管教育行政機關依相關法令規定處理。

學校未依第二十三條規定處理者，各該主管教育行政機關並得視情形調整招收外國學生名額。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 25 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các trường học **vi phạm các quy định của các Biện pháp này** sẽ được cơ quan hành chính giáo dục có thẩm quyền xử lý theo các luật và quy định có liên quan.

Nhà trường không xử lý theo quy định tại Điều 23, cơ quan hành chính có thẩm quyền về giáo dục và có thể điều chỉnh hạn ngạch sinh viên nước ngoài theo tình hình.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 26 條

外國學生來臺於大專校院附設之華語文中心學習語文者，其申請程序、獎補助、管理與輔導、缺課時數逾該期上課總時數四分之一以上及變更或喪失學生身分之通報，準用第七條第一項第一款、第三款、第四款、第九條、第十五條、第十六條、第二十二條及第二十四條規定。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 26 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Sinh viên nước ngoài đến Đài Loan **những người học tiếng Trung tại**

Trung tâm Ngôn ngữ Trung Quốc trực thuộc trường đại học sẽ nộp đơn

xin quy trình, trợ cấp giải thưởng, quản lý và dạy kèm, số lần vắng mặt

vượt quá một phần tư tổng số giờ học trong khoảng thời gian đó và

thông báo thay đổi hoặc mất tư cách sinh viên sẽ phải tuân theo Điều 7,

Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Điều 7 Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 22 và

Điều 24 được quy định.

外國學生來台就學辦法

外國學生來台就學辦法第 28 條

本辦法自中華民國一百零一年八月一日施行。

本辦法修正條文，除中華民國一百零一年十二月二十四日修正發布之條文，自一百零二年一月一日施行，一百零二年八月二十三日修正發布之條文，自一百零二年九月一日施行外，自發布日施行。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Điều 28 của các biện pháp cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

Các biện pháp này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 101 của Trung Hoa Dân Quốc.

Các điều khoản sửa đổi của các Biện pháp này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ban hành, ngoại trừ các điều khoản được sửa đổi và ban hành bởi Trung Hoa Dân Quốc vào ngày 24 tháng 12 năm 10101 và các điều khoản sửa đổi được ban hành vào ngày 23 tháng 8 năm 102, có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 烏干達留學生來台淪黑工 產官學10人被訴

- ✓ 彰化私立中州科大勾結人力仲介業者，以不實廣告招收十六名烏干達留學生來台，結果學生卻被送往工廠當起超時黑工償還債務，彰化地檢署昨天依貪汙、人口販運防制法、洩密罪，起訴中州科大前學務長、苗栗縣府和移民署官員、人力仲介業者共十人，建議法院從重量刑，沒收不法所得二四三萬元。
- ✓ 檢方起訴的被告包括中州科大前學務長柴鈺武、推廣中心主任藍素玲，苗栗縣府勞青處副處長涂榮輝、廖姓科員，陳姓人力仲介業者等；廖姓科員自白犯行，檢方建議減輕其刑。
- ✓ 這起事件讓台灣國際形象大傷，中州科大校長還請辭下台，教育部認為，該校在招生、教學、生活輔導及校園管理方面，有重大缺失，處以111學年度停招，且不得招收境外學生，並扣減相關補助經費等懲處措施。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- 10 sinh viên đến từ Uganda **những người đến Đài Loan để trở thành công nhân bất hợp pháp** đã bị kiện.
- ✓ Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu Trường Hoa **thông đồng với các nhà môi giới nhân lực** để tuyển dụng 16 sinh viên quốc tế Uganda đến Đài Loan với **quảng cáo sai sự thật**). Kết quả là, **các sinh viên đã được gửi đến (nhà máy bắt đầu làm thêm giờ để trả nợ**. Văn phòng Công tố địa phương Trường Hoa hôm qua đã truy tố cựu trưởng khoa Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu, Miao Li, theo **tội tham nhũng, luật phòng chống và kiểm soát buôn người, và rò rỉ bí mật. Có tổng cộng mười quan chức của chính quyền quận và bộ phận nhập cư, các nhà môi giới nhân lực**, và đề nghị tòa án tịch thu thu nhập bất hợp pháp từ 240.000 đến 30.000 nhân dân tệ từ hình phạt nặng nề.
- ✓ Các bị cáo bị truy tố bởi công tố bao gồm Chai Yuwu, cựu trưởng khoa Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu, Lan Suling, giám đốc Trung tâm Xúc tiến, Tu Ronghui, phó giám đốc Sở Lao động và Thanh niên quận Miaoli, một thành viên bộ phận họ Liêu, và một công ty trung gian lực lượng nhân lực họ Chen, v.v. Thành viên bộ phận họ Liêu thú nhận đã phạm tội và công tố đề nghị giảm án của anh ta.
- ✓ Sự cố này đã làm tổn hại rất nhiều **hình ảnh quốc tế của Đài Loan**, và hiệu trưởng Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu cũng đã từ chức. Bộ Giáo dục tin rằng trường có những thiếu sót lớn trong tuyển sinh, giảng dạy, hướng dẫn cuộc sống và quản lý khuôn viên trường, và áp đặt **tạm dừng tuyển sinh 111 năm học**, và **không có sinh viên nước ngoài nào được phép đăng ký, và các khoản trợ cấp liên quan và các biện pháp kỷ luật khác được khấu trừ**.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 烏干達留學生來台淪黑工 產官學10人被訴

- ✓ 全案緣起於中州科大因少子化，導致招生人數銳減，校方在2019年間，涉謊稱提供高額獎學金、高科技產業實習等詐術，誘騙烏干達十六名學生來台後，旋即以積欠來台旅費、學雜費等不當債務約束學生，並透過陳姓仲介前往苗栗縣等地工廠，從事超時且與報酬顯不相當的勞力工作。
- ✓ 一名學生不堪淪為超時黑工，去年十一月寫電郵向教育部求助，彰化地檢署獲報成立專案小組，今年元月到八月先後四次搜索中州科大、苗栗縣政府等地，查出苗栗縣政府勞青處也涉弊。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- 10 sinh viên đến từ Uganda (những người đến Đài Loan để trở thành công nhân bất hợp pháp) đã bị kiện.
- ✓ Toàn bộ trường hợp bắt nguồn từ sự sụt giảm mạnh về số lượng tuyển sinh do tỷ lệ sinh thấp của Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu. Vào năm 2019, nhà trường ngay lập tức hạn chế sinh viên (tích lũy các khoản nợ không phù hợp như chi phí đi lại và chi phí linh tinh và chi phí linh tinh ở Đài Loan), và thông qua Chen Người trung gian họ đã đến các nhà máy ở Hạt Miaoli và những nơi khác, (tham gia vào công việc lao động làm thêm giờ và không tương đương với thù lao.)
- ✓ Một sinh viên đã bị giảm xuống thành một công nhân da đen làm thêm giờ. Vào tháng 11 năm ngoái, anh ta đã viết một email cho Bộ Giáo dục để được giúp đỡ. Văn phòng Công tố viên Quận Trường Hoa đã được báo cáo là đã thành lập một lực lượng đặc nhiệm. Từ tháng 1 đến tháng 8 năm nay, anh ta đã tìm kiếm Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu, Chính quyền Quận Miaoli và những nơi khác bốn lần, và phát hiện ra rằng Văn phòng Lao động và Thanh niên của Chính quyền Quận Miaoli cũng có liên quan đến các khiếm khuyết.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 烏干達留學生來台淪黑工 產官學10人被訴
 - ✓ 起訴書指出，學生被派到苗栗望隼公司工作，外籍學生打工法定工時每個月八十小時，但烏國學生每個月工時都兩百小時起跳，早已超過台灣的法定工時，因陳男跟苗栗縣府勞青處關係良好，涂榮輝施壓下屬放水，讓望隼免於受罰，陳男從中牟利。
 - ✓ 一名烏干達學生不堪淪為黑工逃跑，前往台中市某私立大學註冊入學，中州科大李姓行政人員竟透過時任移民署中區事務大隊南投收容所劉姓副隊長查詢個資，行文要求該大學對烏干達學生作退學處分，並通知學生償還學雜費。
 - ✓ 中州科大被勒令停招及扣減相關補助經費後，營運如雪上加霜，爆出一百卅名教職員兩個月沒領薪水，中州科大高層表示，雖向教育部爭取復招，但可能明年六月退場，如財務沒起色，教職員工薪水要等退場基金代墊補發。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- 10 sinh viên đến từ Uganda **những người đến Đài Loan để trở thành công nhân bất hợp pháp** đã bị kiện.
- ✓ Bản cáo trạng chỉ ra rằng các sinh viên được cử đi làm việc tại Công ty Miaoli Wangfalcon **giờ làm việc theo luật định của sinh viên nước ngoài là 80 giờ một tháng**, nhưng các sinh viên ở Wuguo **giờ làm việc bắt đầu từ 200 giờ mỗi tháng** đã vượt quá giờ làm việc theo luật định ở Đài Loan. Bởi vì Chen Nan có mối quan hệ tốt với Sở Lao động và Thanh niên Quận Miaoli, Tu Ronghui **gây áp lực buộc cấp dưới của mình phải xả nước**, Hãy để Wang Hayao được miễn hình phạt, và Chen Nan đã thu lợi từ nó.
- ✓ Một sinh viên Uganda đã trốn thoát khỏi việc bị hạ cấp thành một công nhân da đen và đến một trường đại học tư thục ở thành phố Đài Trung để đăng ký nhập học. **Quản trị viên họ Li của Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu thực sự đã hỏi về vốn cá nhân thông qua phó đội trưởng của Nơi trú ẩn Nantou của Lữ đoàn các vấn đề quận trung tâm của Cục xuất nhập cảnh vào thời điểm đó**. Bức thư yêu cầu trường đại học rút lui **sinh viên Uganda và thông báo cho sinh viên trả nợ cho trường Các chi phí linh tinh**.
- ✓ Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu là **sau lệnh ngừng tuyển dụng và khấu trừ các quỹ trợ cấp có liên quan**, và hoạt động đã trở nên trầm trọng hơn, và tiết lộ rằng 130 giảng viên và nhân viên đã không nhận được tiền lương của họ trong hai tháng. Ban quản lý cấp cao của Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Châu nói rằng mặc dù họ đã đấu tranh để đăng ký lại từ Bộ Giáo dục, họ có thể rút lui vào tháng 6 năm sau. Nếu tình hình tài chính không cải thiện, tiền lương của giảng viên và nhân viên sẽ đợi quỹ rút tiền được phát hành lại.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 新南向產學專班亂象，與**人口販運的一線之隔**
 - ✓ 政府近年來積極推動「**新南向政策**」，其中一大面向是人才交流。在2020年就有5.9萬名學生來自東南亞和南亞國家，人數創下歷史新高，**其中越南、印尼兩國的學生，更大幅成長**。在一連串風光數字背後，《報導者》調查發現，從2017年以來，有**1萬多名的新南向外籍生，進入了技職體系中科技大學所開設的「新南向產學合作國際專班」**。
 - ✓ 專班理想很美好，落實起來卻有極大的落差。政府宣稱**台灣有育才、留才、惜才、愛才的人本精神**，但仍不少學校**把學生送上環境不佳的產線超時工作，生產和包裝出你我隨手可得的便利食品或是商品**。這個實習跟所學內容斷鏈，不受勞動法規監督的情況，會不會成為一場失控的人口販運風暴？

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Sự hỗn loạn của Lớp Đặc biệt Học thuật Công nghiệp Nam Hương Mới, (đường tách biệt khỏi nạn buôn người)
- ✓ Trong những năm gần đây, chính phủ đã tích cực thúc đẩy "Chính sách hướng Nam mới", một trong số đó là trao đổi tài năng. Năm 2020, có 59.000 sinh viên đến từ các nước Đông Nam Á và Nam Á, mức cao kỷ lục trong đó số lượng sinh viên đến từ Việt Nam và Indonesia tăng đáng kể. Đằng sau một loạt các số liệu danh lam thắng cảnh, cuộc khảo sát của "Phóng viên" cho thấy kể từ năm 2017, hơn 10.000 sinh viên nước ngoài Xinnan Xiang đã tham gia "Lớp đặc biệt hợp tác quốc tế giữa học viện-công nghiệp Nan Xiang mới" do Đại học Khoa học và Công nghệ mở trong Hệ thống kỹ thuật và dạy nghề.
- ✓ Lý tưởng của lớp đặc biệt rất đẹp, nhưng có một khoảng cách rất lớn trong việc thực hiện. Chính phủ tuyên bố rằng Đài Loan có tinh thần con người nuôi dưỡng tài năng, giữ chân nhân tài, trân trọng tài năng và yêu thương tài năng, nhưng vẫn còn nhiều trường học gửi học sinh làm thêm giờ trên dây chuyền sản xuất với môi trường nghèo, sản xuất và đóng gói thực phẩm tiện lợi hoặc hàng hóa mà bạn và tôi có thể có được theo ý muốn. Liệu chương trình thực tập này có trở thành một cơn bão buôn người ngoài tầm kiểm soát nếu nó bị ngắt kết nối với những gì đã học và không được giám sát bởi luật và quy định lao động?

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- **免費讀書還可打工賺錢**-越南生阿黎和阿新的故事
- ✓ 19歲、來自南越朔庄小村的學生阿黎（化名），還記得2019年、她高中畢業前不久，一間名為「**BLUE GALAXY**」的留學代辦到高中宣傳可到台灣留學，主打著「**有獎學金免費讀書還可打工賺錢**」，每月可賺到相當於1,500萬至1,700萬越南盾的薪水（約新台幣1.9萬至2.2萬元）。誘人的招生話術吸引著阿黎和其他同學。
 - ✓ 阿黎進一步詢問是否有她嚮往的觀光科系？仲介立刻打包票，**臚列了台灣7間科技大學供她選擇，且保證入學。**
 - ✓ 於是阿黎繳了**2,200美元（相當於5,400萬越南盾，約新台幣6.6萬元）**的代辦費，裡頭包含簽證、機票、給仲介的服務費等，這金額對一個普通越南家庭來說是重擔，但她心裡盤算著：到台灣讀書是機會，學習獨立，還能賺錢，就試試看。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- **Độc miễn phí và làm thêm kiếm tiền** - Câu chuyện về sinh viên Việt Nam Ali và Ah Xin
- ✓ Ali (bút danh), một học sinh 19 tuổi đến từ làng Shuozhuang, miền Nam Việt Nam, vẫn nhớ rằng vào năm 2019, ngay trước khi tốt nghiệp trung học, **một cơ quan du học có tên là "BLUE GALAXY"** đã thăng cấp lên trường trung học để học tại Đài Loan, tập trung vào **"học miễn phí với học bổng và làm việc để kiếm tiền"**, hàng tháng **Kiểm được mức lương tương đương 15 triệu đến 17 triệu đồng (khoảng 19.000 đến 22.000 Đài tệ)**. Những lời hùng biện tuyển dụng hấp dẫn đã thu hút Ali và các sinh viên khác.
- ✓ Ali hỏi thêm liệu có bộ phận du lịch nào mà cô ấy khao khát không? Người đại diện ngay lập tức đóng gói vé, **Yin đã liệt kê 7 trường đại học khoa học và công nghệ ở Đài Loan để cô ấy lựa chọn và đảm bảo nhập học.**
- ✓ Vì vậy, Ali đã trả phí đại lý **2.200 đô la Mỹ (tương đương 54 triệu đồng, khoảng 66.000 Đài tệ), bao gồm visa, vé máy bay, phí dịch vụ cho trung gian**, v.v. Số tiền này là gánh nặng đối với một gia đình Việt Nam bình thường, nhưng cô đã tính toán trong lòng: để **học tập tại Đài Loan là một cơ hội, học hỏi Xi độc lập và vẫn có thể kiếm tiền, chỉ cần thử nó.**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 2千美金買一個美夢，出發前**突被告知跟報名科系不同**
 - ✓ 好不容易阿黎的父母向親友借了些錢，讓阿黎成功報名，但審核通過後，還需靠一筆約**8,000多萬越南盾（約新台幣10萬元）**的財力證明，好讓台灣駐外辦事處相信申請人有能力出國讀書來核發簽證。留學代辦業者也能一手包辦，先借錢匯錢進阿黎戶頭，等到審核通過，她再退還錢給業者。
 - ✓ 原以為一切就緒，但卻是一連串噩夢的開始。出發前夕，留學代辦臨時通知她原本選的「觀光科系」學校沒有名額，只剩**另一間學校的「餐飲管理科系」**，阿黎回憶說，代辦的人語帶威脅，「只剩這個學校收你們，去不去？」還說一旦反悔，2,200美元無法返還，還告知她「來到台灣可以透過轉系或轉學，轉到想要的科系」。最後阿黎硬著頭皮離鄉來台，進入黎明技術學院。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Mua một giấc mơ đẹp với giá 2.000 đô la, trước khi khởi hành **đột nhiên được thông báo rằng nó khác với bộ phận đăng ký**
- ✓ Cha mẹ của Ali rất khó để vay một số tiền từ người thân và bạn bè để Ali đăng ký thành công, nhưng sau khi xem xét được thông qua, **cũng cần có giấy chứng nhận tài chính hơn 80 triệu đồng (khoảng 100.000 Đài tệ)**, vì vậy văn phòng ở nước ngoài của Đài Loan tin rằng người nộp đơn có khả năng du học để cấp thị thực. Người đại diện du học cũng có thể làm việc đó bằng tay. Đầu tiên, vay tiền và chuyển tiền vào tài khoản của Ali. Khi đánh giá được thông qua, cô ấy sẽ trả lại tiền cho nhà cung cấp.
- ✓ Tôi nghĩ mọi thứ đã sẵn sàng, nhưng đó là khởi đầu của một loạt những cơn ác mộng. Vào đêm trước khi khởi hành, (cơ quan du học tạm thời thông báo cho cô ấy rằng không có chỗ trong trường "bộ phận du lịch" mà cô ấy đã chọn ban đầu, chỉ có **"bộ phận quản lý dịch vụ ăn uống"** của **một trường khác**, Ali nhớ lại rằng đại lý đe dọa, "Chỉ có trường này chấp nhận bạn, bạn có muốn đi không?" Anh ấy cũng nói rằng một khi anh ấy ăn năn, 2.200 đô la Mỹ không thể trả lại, và anh ấy cũng nói với cô ấy rằng "khi bạn đến Đài Loan, bạn có thể chuyển đến bộ phận bạn muốn bằng cách chuyển đến bộ phận bạn muốn." Cuối cùng, Ali ngoan cố rời quê hương để đến Đài Loan và vào trường Cao đẳng Kỹ thuật Dawn.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 來台讀書卻**一週工作5天**，「我根本不想做這個，像一個機器人」
 - ✓ 跟阿黎一起來到台灣的，還有另外50名來自越南各地的學生。
 - 2019年底來台不久後，**她們被安排到林口一間知名的行動穿戴電子廠打工，但做了6個多月就碰上COVID-19疫情，學校告知學生，工廠目前不需要這麼多人力。升上二年級後，又被送進了桃園一間食品廠當廠工，一週工作5天，剩下的2天則在校上課。**

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Đến Đài Loan để học **làm việc 5 ngày một tuần**, "Tôi không muốn làm điều này chút nào, giống như một con robot"
- ✓ Ngoài ra còn có 50 sinh viên khác từ khắp Việt Nam đã đến Đài Loan cùng với Ali. Ngay sau khi đến Đài Loan vào cuối năm 2019, **họ được sắp xếp làm việc trong một nhà máy điện tử đeo di động nổi tiếng ở Linkou, nhưng sau khi làm việc hơn 6 tháng, họ đã gặp phải dịch COVID-19. Nhà trường nói với các sinh viên rằng hiện tại nhà máy không cần quá nhiều nhân lực.** Sau khi được thăng cấp lên lớp hai, anh ấy được gửi đến một nhà máy thực phẩm ở Đào Viên với tư cách là công nhân nhà máy. **Anh ấy làm việc 5 ngày một tuần, và 2 ngày còn lại là ở trường.**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 來電機系在機械工廠「實習」搬重物

- ✓ 除了阿黎，另一名21歲來自南越鄉村的阿新（化名）同樣經「BLUE GALAXY」來台；代辦業者也是宣稱「來台讀書又可工作賺薪水，剩下的錢還能寄回家」，給他台灣4間科技大學選擇，最後「被分配」到黎明技術學院的電機工程系新南向產學合作專班。
- ✓ 但他想讀的是食品科系，夢想畢業後回到越南開個烘焙店，沒想到付完代辦費，卻進到電機系就讀。電機系的專班生必須進組裝機械零件工廠「實習」，阿新的課程被集中在週一到五的上午，下午1點後就得到工廠工作到晚上9點，一天下來要包裝跟組裝200～300個很重的機械零件，環境很糟，工作後整身都是油汗，過程中也曾向系上老師反映，讀電機系為何做機械的工作？老師則對他們說：「在台灣學電機跟機械都有關係。」

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Đến bộ phận động cơ điện trong **nhà máy cơ khí "thực tập" để mang theo các vật nặng**
- ✓ Ngoài Ali, một Ah Xin (bút danh) 21 tuổi khác đến từ vùng nông thôn miền Nam Việt Nam **cũng đến Đài Loan thông qua "BLUE GALAXY"**; người đại diện cũng tuyên bố **"Đến Đài Loan học tập và làm việc để kiếm tiền lương, và số tiền còn lại cũng có thể được gửi về nhà"**, cho anh ta 4 trường đại học khoa học và công nghệ ở Đài Loan để lựa chọn, và cuối cùng **"được giao"** đi đến **Lớp Hợp tác Công nghiệp-Học viện Xinnan Xiang của Khoa Kỹ thuật Điện của Viện Công nghệ Dawn**.
- ✓ Nhưng anh ấy muốn học tại Khoa Thực phẩm. Anh ấy mơ ước được trở về Việt Nam để mở một tiệm bánh sau khi tốt nghiệp. Bất ngờ **sau khi trả phí đại lý, anh ấy vào Khoa Kỹ thuật Điện**. Lớp đặc biệt của bộ phận điện phải tham gia **nhà máy lắp ráp linh kiện cơ khí "thực tập", Axin's (khóa học tập trung vào buổi sáng từ thứ Hai đến thứ Sáu, sau 1 giờ chiều, làm việc tại nhà máy đến 9 giờ tối)**, trong một ngày, bạn phải đóng gói và lắp ráp 200 đến 300 bộ phận cơ khí rất nặng, **môi trường rất xấu, sau khi làm việc Cơ thể đầy dầu**, và trong quá trình **đã từng phản ánh với giáo viên của khoa, tại sao lại làm công việc cơ khí trong khoa điện? Giáo viên nói với họ, "Ở Đài Loan, việc học động cơ điện có liên quan đến kỹ thuật cơ khí."**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 每班補助百萬卻斷鏈的產學合作，**外籍生成為廉價勞動力**

- ✓ 根據教育部統計，政府大力推動「新南向人才培育推動計畫」，目標之一是東南亞國家來台求學學生數倍增。2019年來自新南向國家境外生人數（包括學位生與非學位生）達到5萬9千人高峰、2020年因疫情影響稍微下降，但仍佔外籍生比例高達56%（註），其中又以越南與印尼兩國增加最多，從10年前的僅3千多人，增加到1萬7千多人。
- ✓ 而「新南向產學合作國際專班」（後稱新南向專班）原本的特色，是希望透過產學無縫接軌，讓學位生邊學習邊實習，畢業後有機會進到企業在兩國的工廠裡工作，培育出了解台灣的外籍人才。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Hàng triệu trợ cấp cho mỗi lớp học nhưng sự hợp tác giữa ngành và học thuật bị ngắt kết nối, **sinh viên nước ngoài trở thành lao động giá rẻ**
- ✓ Theo thống kê của Bộ Giáo dục, chính phủ đang thúc đẩy mạnh mẽ "Kế hoạch thúc đẩy phát triển tài năng hướng Nam mới", một trong số đó là tăng số lượng sinh viên từ các nước Đông Nam Á đến Đài Loan học tập nhiều lần. Năm 2019, số lượng sinh viên nước ngoài (bao gồm cả sinh viên cấp bằng và sinh viên không cấp bằng) từ Tân Nam Trung Quốc đạt đỉnh 59.000. Năm 2020, nó giảm nhẹ do tác động của dịch bệnh, nhưng tỷ lệ sinh viên nước ngoài vẫn cao 56% (Lưu ý), trong đó Việt Nam và Indonesia tăng nhiều nhất, từ chỉ hơn 3.000 người cách đây 10 năm. Nó đã tăng lên hơn 17.000 người.
- ✓ Đặc điểm ban đầu của "Lớp học đặc biệt quốc tế hợp tác công nghiệp-học viện New Southbound" (sau này được gọi là Lớp đặc biệt New Southbound) là hy vọng sẽ cho phép sinh viên cấp bằng học tập và thực tập thông qua sự tích hợp liền mạch giữa ngành công nghiệp và học tập. Sau khi tốt nghiệp, họ sẽ có cơ hội làm việc trong các nhà máy ở hai quốc gia và nuôi dưỡng những tài năng nước ngoài hiểu biết về Đài Loan.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 每班補助百萬卻斷鏈的產學合作，外籍生成為廉價勞動力

- ✓ 在政府的政策鼓勵下，只要學校通過審查成班，每專班補助100萬到400萬不等的金額；不少受少子化影響的學校大力申請專案，填補學校經費。根據教育部統計，新南向專班2017~2020年已開設297班，註冊人數達11,230人，而2021最新學年度更預計開設83班，將招收3,300人。
- ✓ 就讀新南向專班外籍生以往有被送進屠宰業、魚塢養殖業、冷凍包裝等農場和工廠工作的例子，部分工作環境極惡劣。一名熟悉人力資源市場的業者私下說，業界使用專班學生，除了工作時數可比一般勞工，還有企業成本的考量——除了不用向政府繳交每個月2,000多元的「就業安定費」，聘用學生也沒有工作類別的限制，「人力成本的考量上，根本是『俗擱大碗』，是極度弱勢的勞動者。」

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Hàng triệu trợ cấp cho mỗi lớp học nhưng sự hợp tác giữa ngành và học thuật bị ngắt kết nối, **sinh viên nước ngoài trở thành lao động giá rẻ**
- ✓ Với sự khuyến khích của các chính sách của chính phủ, miễn là trường vượt qua kỳ thi, mỗi lớp đặc biệt sẽ được trợ cấp từ 1 triệu đến 4 triệu nhân dân tệ; **Nhiều trường bị ảnh hưởng bởi tỷ lệ sinh thấp sẽ mạnh mẽ nộp đơn cho các dự án để lấp đầy quỹ của trường**. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, Lớp Đặc biệt New South đã mở 297 lớp từ năm 2017 đến năm 2020, với 11.230 học sinh đã đăng ký và năm học mới nhất năm 2021 dự kiến sẽ mở 83 lớp và tuyển sinh 3.300 học sinh.
- ✓ Trong quá khứ, đã có **ví dụ về việc được cử đi làm việc trong các trang trại và nhà máy như giết mổ, nuôi cá, đóng gói đông lạnh, v.v., và một số môi trường làm việc cực kỳ tồi tệ**. Một nhà điều hành quen thuộc với thị trường nguồn nhân lực cho biết riêng rằng ngành công nghiệp sử dụng sinh viên lớp đặc biệt. Ngoài **số giờ làm việc có thể so sánh với lao động thông thường**, cũng có sự cân nhắc về chi phí của doanh nghiệp - **ngoại trừ việc không phải trả "phí ổn định việc làm" hơn 2.000 nhân dân tệ mỗi tháng cho chính phủ**, và không có hạn chế về loại công việc tuyển dụng sinh viên, "người Về chi phí nỗ lực, về cơ bản nó là một 'cái bát lớn thông thường', đó là một công nhân cực kỳ dễ bị tổn thương."

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 每班補助百萬卻斷鏈的產學合作，**外籍生成為廉價勞動力**
 - ✓ 不斷出現的**新南向專班亂象**，讓原本台灣欲與東協和南亞國家交流的形象蒙塵。
 - ✓ 根據2021年美國國務院最新出版的《美國2021年人口販運問題報告—台灣部分》（ Trafficking in Persons Report: Taiwan ），提及**台灣「人口販運者利用台灣《新南向政策》放寬簽證來吸引東南亞學生和遊客前來台灣，再強迫其從事勞動或性交易**。報告中提到（編按）：
 - ✓ 「台灣有超過200所私立大學積極招募外籍學生，尤其是印尼籍，其後**以教育為藉口將他們置於剝削性的勞動條件中**。這些學生來台大多對工作內容不知情，且來台後經常面臨合約變更、工時過長、居住環境差等與原合約不相符的情況。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Hàng triệu trợ cấp cho mỗi lớp học nhưng sự hợp tác giữa ngành và học thuật bị ngắt kết nối, **sinh viên nước ngoài trở thành lao động giá rẻ**
- ✓ Sự xuất hiện liên tục của **sự hỗn loạn của tầng lớp đặc biệt mới hướng Nam** đã tạo nên hình ảnh về mong muốn ban đầu của Đài Loan để giao tiếp với Hiệp hội phương Đông và các nước Nam Á.
- ✓ Theo Báo cáo Buôn người mới nhất: Đài Loan do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố vào năm 2021, có đề cập rằng **"những kẻ buôn người" của Đài Loan lợi dụng "Chính sách hướng Nam mới" của Đài Loan Thúc giãn thị thực để thu hút sinh viên và khách du lịch Đông Nam Á đến Đài Loan, sau đó buộc họ tham gia vào lao động hoặc buôn bán tình dục.** Nó được đề cập trong báo cáo (được biên soạn):
- ✓ "Hơn 200 trường đại học tư thục ở Đài Loan tích cực tuyển sinh viên nước ngoài, đặc biệt là công dân Indonesia, và sau đó **đưa họ vào điều kiện làm việc bóc lột dưới cái cơ giáo dục.** Hầu hết những sinh viên này trước khi đến Đài Loan **không biết nội dung công việc và thường phải đối mặt với những thay đổi hợp đồng, giờ làm việc quá nhiều, môi trường sống kém và những thứ khác không phù hợp với hợp đồng ban đầu sau khi đến Đài Loan.**"

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 每班補助百萬卻斷鏈的產學合作，**外籍生成為廉價勞動力**
- ✓ 將18、19歲出來乍到台灣的東南亞或南亞學生，**轉做為即時可用的底層勞動力**——這種亂象，在教育部與勞動部兩個主責機關的監管下，究竟是怎麼發生的？

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Hàng triệu trợ cấp cho mỗi lớp học nhưng sự hợp tác giữa ngành và học thuật bị ngắt kết nối, **sinh viên nước ngoài trở thành lao động giá rẻ**
- ✓ Sự hỗn loạn của sinh viên Đông Nam Á hoặc Nam Á đến Đài Loan ở độ tuổi 18 và 19 **biến thành lực lượng lao động dưới đáy có thể sử dụng ngay lập tức** xảy ra như thế nào dưới sự giám sát của hai cơ quan chịu trách nhiệm chính của Bộ Giáo dục và Bộ Lao động?

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 工讀 + 實習每週工作40小時以上，**學生淪學工**
 - ✓ 根據勞動部《就業服務法》規定，**外籍生每週可打工20小時**；但新南向產學合作國際專班又規定，**自大二開始，每學期可排定6學分的實習課**，若以**每學分最多安排80小時的實習**，一學期就有480小時，平均每週約26小時在工廠實習。不過若學校在「同一地點」安排「打工加實習」，便造就了**專班學生每週工作40小時以上**，如同一位「完整的勞動力」。
 - ✓ 2019年，監察院就曾針對這變調的學習進行調查，調查報告指出，發現有高達近**9成9**的專班學生，打工跟實習皆同一地點：
 - ✓ 「『工讀』與『實習』界線模糊不清之情事，致遭學生淪為『學工之質疑』。」

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Học tập làm việc + thực tập làm việc hơn 40 giờ một tuần, **sinh viên trở thành công việc**
- ✓ Theo quy định của Bộ Lao động **Luật Dịch vụ Việc làm**, **sinh viên nước ngoài có thể làm việc 20 giờ một tuần**; tuy nhiên, Lớp Hợp tác Công nghiệp-Học viện Quốc tế Tân Nam cũng quy định rằng **từ năm thứ hai, có thể lên lịch 6 tín chỉ của các lớp thực tập mỗi học kỳ. Nếu sắp xếp tối đa 80 giờ thực tập mỗi học kỳ, sẽ có 480 giờ mỗi học kỳ, trung bình Thực tập tại nhà máy khoảng 26 giờ một tuần.** Tuy nhiên, nếu trường học "**cùng một nơi**" sắp xếp "**công việc bán thời gian cộng với thực tập**", nó sẽ tạo ra **học sinh lớp đặc biệt làm việc hơn 40 giờ một tuần, giống như một "lực lượng lao động đầy đủ".**
- ✓ Vào năm 2019, Viện Giám sát đã tiến hành một cuộc khảo sát về nghiên cứu về sự thay đổi giọng điệu này. **Báo cáo khảo sát chỉ ra rằng có tới 90% học sinh lớp đặc biệt ở cùng một nơi với công việc bán thời gian và thực tập:**
- ✓ **"Ranh giới giữa công việc-học tập' và 'thực tập' bị mờ nhạt, do đó sinh viên bị giảm xuống 'đặt câu hỏi về công việc-học tập'."**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

- 工讀 + 實習每週工作40小時以上，**學生淪學工**
 - ✓ 班業務的校務人士私下告訴我們：「集成一個專班的好處是，可以把學生的課程集中，**方便整車拉（學生）去工作，比起散班較好操作。**」
 - ✓ 但這個操作，往往**不是考慮學生是否學用相符，或提升技術讓學生學到東西，而是以工廠需求調整**，讓學生的工時愈完整愈好。
 - ✓ 原本赴台的留學生，**多數時間**卻待在工廠成為工人，弊端因此產生。
 - ✓ 以阿黎工作情況為例，每天早上6點工作到下午3點，**中間休息1小時**，若加上加班，**接著兩天回學校讀書的日子，等於沒有例休**，往往**累到無法上課**。每月工作含加班，**將近200小時**，月薪約領3萬多元，幾乎是等同於一位外籍移工。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Học tập làm việc + thực tập làm việc hơn 40 giờ một tuần, **sinh viên trở thành công việc**
- ✓ Nhân viên công tác trường học của bộ phận kinh doanh lớp học nói với chúng tôi một cách riêng:
"Lợi thế của việc kết hợp thành một lớp học đặc biệt là nó có thể tập trung các khóa học của học sinh, **thuận tiện để kéo (học sinh) đi làm, dễ vận hành hơn so với lớp học giờ giải lao.**"
- ✓ Tuy nhiên, hoạt động này thường **không xem xét liệu học sinh có nhất quán với việc học hay không, hoặc để cải thiện công nghệ để cho học sinh học điều gì đó, mà là điều chỉnh nhu cầu nhà máy, để** giờ làm việc của học sinh hoàn thiện hơn càng tốt.
- ✓ Sinh viên quốc tế ban đầu đến Đài Loan, **hầu hết thời gian họ ở lại nhà máy để trở thành công nhân, điều này gây ra những bất lợi.**
- ✓ Lấy tình huống làm việc của Ali làm ví dụ, cô ấy làm việc từ 6 giờ sáng đến 3 giờ chiều mỗi sáng, **nghỉ 1 giờ ở giữa, nếu bạn thêm giờ, và sau đó trở lại trường học trong hai ngày, tương đương với không có ngày nghỉ thường xuyên, và cô ấy thường quá mệt mỏi để đến lớp.** Công việc hàng tháng bao gồm làm thêm giờ **gần 200 giờ, với mức lương hàng tháng hơn 30.000 nhân dân tệ gần như tương đương với một người di cư nước ngoài.**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 企業：「我們也很怕違法」

- ✓ 進一步向黎明技術學院與聘僱阿黎等學生工作、專為便利店生產鮮食的「屏榮食品」查證，想了解是否違反產學合作規定？屏榮食品公司表示，他們跟學校建教合作已超過10年的時間，而近2年來，**學校生源不足，實習學生慢慢從台灣學生變成外籍學生**，都有照教育部規範和學校簽合約；目前該食品廠產線共有165名外籍生，大部分來自越南與泰國，還有少數的印尼學生。
- ✓ 「我們（用學生）也很怕違法，」食品廠的經理無奈地說，在產學合作這一塊，食品系學生學的是營養學等理論，但工廠端只需要**穩定的人力，量化每一條生產線**。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Doanh nghiệp: **"Chúng tôi cũng sợ vi phạm pháp luật"**
- ✓ Xác minh thêm với "Pingrong Food", nơi sử dụng Ali và các sinh viên khác để sản xuất thực phẩm tươi sống trong các cửa hàng tiện lợi, và muốn biết liệu nó có vi phạm các quy định về hợp tác công nghiệp-trường đại học hay không? Công ty Thực phẩm Pingrong cho biết họ đã hợp tác với trường hơn 10 năm, và trong hai năm qua, **trường không đủ học sinh, và các thực tập sinh đã từ từ chuyển từ học sinh Đài Loan sang học sinh nước ngoài**, và họ đã ký hợp đồng với nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục. Hiện tại, có tổng cộng 165 học sinh nước ngoài trong dây chuyền sản xuất nhà máy thực phẩm, hầu hết trong số họ đến từ Việt Nam và Thái Lan, cũng như một số lượng nhỏ sinh viên Indonesia.
- ✓ **"Chúng tôi (sinh viên) cũng sợ vi phạm pháp luật,"** Người quản lý nhà máy thực phẩm bất lực nói rằng trong lĩnh vực hợp tác công nghiệp-học viện, sinh viên của bộ phận thực phẩm nghiên cứu dinh dưỡng và các lý thuyết khác, nhưng nhà máy chỉ cần **nhân lực ổn định, định lượng từng dây chuyền sản xuất.**

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 企業：「我們也很怕違法」

- ✓ 至於是否超時工作？食品廠則說，學校跟公司談的合作條件，就是開出月薪2萬4千元、每週工作5天，但若學生反映太累，未來會考慮調整成工作4天，讓他們休假，但這也會影響當初與學校談好的薪資條件。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Doanh nghiệp: **"Chúng tôi cũng sợ vi phạm pháp luật"**
- ✓ Về việc có nên làm thêm giờ không? Nhà máy thực phẩm nói rằng nhà trường học và công ty **các điều khoản hợp tác được đàm phán là mức lương hàng tháng là 24.000 nhân dân tệ và làm việc 5 ngày một tuần,** nhưng nếu học sinh quá mệt mỏi, họ sẽ **xem xét điều chỉnh để làm việc trong 4 ngày** và cho phép họ nghỉ phép trong tương lai, nhưng điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến điều kiện lương được đàm phán với nhà trường ngay từ đầu.

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 學校：「溝通落差、不會強迫實習」

- ✓ 由於越南仍是共產國家，當地學生要來台灣留學，必須要辦理很多文件，學校沒有辦法處理，一定要經過當地有執照的代辦業者。
- ✓ 他指出目前大部分越南代辦是語文訓練中心，有些學生若加了住宿費或是語文訓練費用，台灣這裡仍難以判斷是否被超收，但會提醒學生注意。
- ✓ 張世鈺說，新南向專班是「客製化課程」把學生課程集中到每週兩天，以符合每週可工讀加實習40小時的規定，且當初是以月薪的條件跟食品廠談實習合作，為了符合月薪的工作時數，休假偏少，也因為安排不同生產線的時段，偶爾造成實習加工讀超時，未來若有些學生要求有休息的時間，會協助轉介到其他實習的機會，但他強調：「學生可以選擇，不會強迫實習。」

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Trường học: "Giao tiếp kém, thực tập sẽ không bị ép buộc"
- ✓ Vì Việt Nam vẫn là một quốc gia cộng sản, nếu sinh viên địa phương muốn học tại Đài Loan, họ phải trải qua rất nhiều giấy tờ, và nhà trường không có cách nào để xử lý chúng, phải thông qua một đại lý được cấp phép địa phương.
- ✓ Ông chỉ ra rằng hiện tại hầu hết các cơ quan Việt Nam là trung tâm đào tạo ngôn ngữ, và một số sinh viên bị tính phí ăn ở hoặc phí đào tạo ngôn ngữ, vẫn còn khó để đánh giá liệu Đài Loan có bị tính phí quá cao hay không, nhưng sinh viên sẽ được nhắc nhở.
- ✓ Zhang Shiyu nói rằng lớp học đặc biệt hướng Nam mới là một "khóa học được khách hàng hóa") tập trung vào sinh viên khóa học hai ngày một tuần để đáp ứng quy định về 40 giờ học tập làm việc cộng với thực tập mỗi tuần, và lúc đầu (với điều kiện lương hàng tháng để đàm phán hợp tác thực tập với nhà máy thực phẩm, để đáp ứng số giờ làm việc của mức lương hàng tháng, ít nghỉ phép hơn, cũng vì sự sắp xếp Thời gian của các dây chuyền sản xuất khác nhau, đôi khi gây ra thời gian chờ đợi xử lý thực tập. Trong tương lai, nếu một số sinh viên yêu cầu thời gian nghỉ ngơi, họ sẽ hỗ trợ giới thiệu đến các cơ hội thực tập khác, nhưng anh ấy nhấn mạnh: "Sinh viên có thể chọn, và thực tập sẽ không bị ép buộc."

外國學生來台就學辦法-違法(規)案例

➤ 學校：「溝通落差、不會強迫實習」

- ✓ 該校主任祕書黃信育則表示已接到教育部來函說明，坦承這是跟學生「溝通上的落差」，因該年度的學生一來就碰到疫情，狀況非常多，原本規劃的餐飲實習地點都因疫情歇業而臨時喊停，改到電子廠工作、或食品廠實習，甚至在去年（2021）COVID-19疫情最嚴重的2個月，還補助外籍生1天200元的生活費，「有善盡照顧學生的責任，」黃信育說。

Quy định dành cho sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan

- Các trường hợp (quy định) bất hợp pháp

- Trường học: **"Giao tiếp kém, thực tập sẽ không bị ép buộc"**
- ✓ Huang Xinyu, giám đốc trường, cho biết ông đã nhận được thư từ Bộ Giáo dục giải thích rằng đây là "khoảng cách giao tiếp" với học sinh. Bởi vì học sinh năm đó gặp phải dịch bệnh ngay khi họ đến, đã có rất nhiều tình huống. Kế hoạch ban đầu **các vị trí thực tập phục vụ tạm thời bị đình chỉ do dịch bệnh, và họ đã được thay đổi để làm việc trong các nhà máy điện tử hoặc thực tập tại các nhà máy thực phẩm.** Ngay cả trong hai tháng khi dịch COVID-19 nghiêm trọng nhất vào năm ngoái (2021), sinh viên nước ngoài đã được trợ cấp chi phí sinh hoạt 200 nhân dân tệ mỗi ngày. "Đó là trách nhiệm chăm sóc tốt cho sinh viên," Huang Xinyu nói.

檢討外國學生來台就學辦法違法(規)

- 重新檢視政府補助開設新南向專班的出發點，是為了培育來源國的產業人才，透過技職學校與台灣企業結合，由學校端開設專班、企業端提供實習職缺，最後政府花了大筆預算補助，這些學生獲得專業技術後回到母國就業，人才卻留不住。若在台灣工廠普遍缺工的同時，若能真正讓學生學習專業技能，又有良好的實習安排而非惡意剝削，循序漸進在工廠訓練個2~3年，一直做到畢業，讓這些學生繼續留台灣或回到台灣企業在外國的工廠，或許將會是產業裡穩定的人力資源。

Xem xét các biện pháp bất hợp pháp đối với sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan (quy định)

- Kiểm tra lại việc mở trợ cấp của chính phủ **điểm khởi đầu của lớp học đặc biệt hướng về phía nam mới, để tu luyện tài năng công nghiệp ở nước xuất xứ**, thông qua **kết hợp các trường dạy nghề kỹ thuật và doanh nghiệp Đài Loan**, phía trường học được mở bởi phía trường học **các lớp học đặc biệt, phía doanh nghiệp cung cấp thực tập sinh**. Cuối cùng, chính phủ đã chi một lượng lớn trợ cấp ngân sách, và những sinh viên này (sau khi có được công nghệ chuyên nghiệp Trở về quê hương để làm việc, **nhưng tài năng không thể được giữ lại**). Nếu có sự thiếu hụt chung về công nhân trong các nhà máy ở Đài Loan, nếu họ thực sự có thể để **sinh viên học các kỹ năng chuyên môn và có sự sắp xếp thực tập tốt thay vì khai thác ác ý**, đặt dần dần đào tạo trong nhà máy từ 2 đến 3 năm cho đến khi **tốt nghiệp**, để những sinh viên này tiếp tục ở lại Đài Loan hoặc trở lại các nhà máy của các doanh nghiệp Đài Loan ở nước ngoài, có thể họ sẽ **Đó** là một nguồn nhân lực ổn định trong ngành.